

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam
2. Mã chứng khoán : HKT
3. Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
4. Nội dung : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam xin giải trình về việc:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

**Bảng 1: Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2022 so với năm 2021**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC năm 2022	Số liệu trên BCTC Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế TNDN	743.458.073	500.384.913

Số lãi trên Báo cáo tài chính năm 2022 tăng 243.073.160 đồng tương ứng - 1,48% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Doanh thu năm 2022 tăng 203.815.862 đồng so với cùng kỳ năm 2021 tương ứng 74,83%

**Bảng 2: Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020 trước và sau kiểm toán**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC năm 2022 sau kiểm toán	Số liệu trên BCTC Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế TNDN	743.458.073	728.151.397



Số lãi trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 tăng 15.306.676 đồng tương ứng tăng 0.1% so với số liệu báo tài chính năm 2022 đã công bố chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Chênh lệch giá vốn hàng bán trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 giảm 23.329.349 đồng tương ứng tăng 0.01 % so với số liệu báo tài chính năm 2022.

Vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

*Xin trân trọng cảm ơn !*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**Tổng Giám đốc**  
  
**Ngô Minh Hải**





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Số thẻ căn cước công dân: 025078002465, cấp ngày 14/08/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: B307 Chung cư CTI Ao Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 8. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty địa chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Ngô Minh Hải*

Ngô Minh Hải  
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

1410303246/2023



Số: 0222023/BCKT-PB.00492

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội. Tại Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phát hành ngày 25 tháng 03 năm 2022, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505-2019-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**NGUYỄN KỶ ANH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3331-2022-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-DN

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.675.714.672</b>	<b>66.983.809.885</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>247.082.755</b>	<b>377.086.777</b>
1. Tiền	111		247.082.755	377.086.777
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.803.656.678</b>	<b>45.817.402.528</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	60.123.933.887	36.498.784.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.937.711.118	786.568.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	13.300.000.000	8.490.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.628.515.129	1.228.552.239
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>13.624.975.239</b>	<b>20.736.437.579</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.624.975.239	20.736.437.579
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>52.883.001</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	52.883.001
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.199.230.674</b>	<b>36.819.950.091</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.541.444.575</b>	<b>7.771.644.030</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.541.444.575	7.771.644.030
- Nguyên giá	222		23.174.296.151	23.174.296.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.632.851.576)	(15.402.652.121)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>III/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>634.877.439</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	634.877.439	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>IV/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.908.660</b>	<b>48.306.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	22.908.660	48.306.061
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>131.874.945.346</b>	<b>103.803.759.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.708.333.976</b>	<b>34.380.606.679</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.708.333.976</b>	<b>34.380.606.679</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	44.716.928.049	32.056.164.134
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	246.462.171	162.062.654
3. Phải trả người lao động	314		4.095.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	115.667.175
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	221.200.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	25.991.395	655.355
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	16.354.921.000	1.584.921.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		239.936.361	239.936.361
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.166.611.370</b>	<b>69.423.153.297</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>70.166.611.370</b>	<b>69.423.153.297</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.350.290.000	61.350.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.350.290.000	61.350.290.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		287.923.633	287.923.633
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.528.397.737	7.784.939.664
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.784.939.664	7.284.554.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		743.458.073	500.384.913
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>131.874.945.346</b>	<b>103.803.759.976</b>



Ngô Minh Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Hương  
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương  
 Người lập biểu

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam
2. Mã chứng khoán : HKT
3. Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
4. Nội dung : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam xin giải trình về việc:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

**Bảng 1: Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2022 so với năm 2021**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC năm 2022	Số liệu trên BCTC Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế TNDN	743.458.073	500.384.913

Số lãi trên Báo cáo tài chính năm 2022 tăng 243.073.160 đồng tương ứng - 1,48% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Doanh thu năm 2022 tăng 203.815.862 đồng so với cùng kỳ năm 2021 tương ứng 74,83%

**Bảng 2: Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020 trước và sau kiểm toán**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC năm 2022 sau kiểm toán	Số liệu trên BCTC Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế TNDN	743.458.073	728.151.397

Số lãi trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 tăng 15.306.676 đồng tương ứng tăng 0.1% so với số liệu báo tài chính năm 2022 đã công bố chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Chênh lệch giá vốn hàng bán trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 giảm 23.329.349 đồng tương ứng tăng 0.01 % so với số liệu báo tài chính năm 2022.

Vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

*Xin trân trọng cảm ơn !*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**Tổng Giám đốc**  
  
**Ngô Minh Hải**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022


Mẫu số B02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	235.253.721.218	31.437.858.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		235.253.721.218	31.437.858.982
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	233.594.248.530	32.014.918.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.659.472.688	(577.059.542)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	688.165.168	3.000.109.280
7. Chi phí tài chính	22	6.4	113.591.780	166.826.118
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.591.780	166.826.118
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.237.048.898	1.430.475.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		996.997.178	825.748.415
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	6.6	16.784.012	76.683.996
13. Lợi nhuận khác	40		(16.784.012)	(76.683.996)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		980.213.166	749.064.419
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	236.755.093	248.679.506
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		743.458.073	500.384.913
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	121	82
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	121	82



Ngô Minh Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

  
 Nguyễn Thị Hương  
 Phụ trách kế toán

  
 Nguyễn Thị Hương  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	980.213.166	749.064.419
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.230.199.455	1.783.309.084
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(688.165.168)	(3.000.109.280)
- Chi phí lãi vay	06	113.591.780	166.826.118
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.635.839.233	(300.909.659)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31.123.371.149)	(5.192.512.781)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.111.462.340	(908.457.483)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	12.456.667.872	6.130.399.842
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	25.397.401	46.840.455
- Tiền lãi vay đã trả	14	(113.591.780)	(166.826.118)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(135.695.668)	(428.692.761)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>(10.143.291.751)</b>	<b>(820.158.505)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(634.877.439)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.810.000.000)	(9.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	510.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	688.165.168	109.280
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.756.712.271)</b>	<b>510.109.280</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.990.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(220.000.000)	(1.011.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.770.000.000</b>	<b>(1.011.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(130.004.022)</b>	<b>(1.321.049.225)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>377.086.777</b>	<b>1.698.136.002</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>247.082.755</b>	<b>377.086.777</b>



Ngô Minh Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Hương  
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương  
 Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu số B 09 – DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số mã số thuế 5400257584, cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 20 ngày 12 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 61.350.290.000 đồng chia thành 6.135.029 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với số lượng 6.135.029 cổ phiếu, tương ứng 61.350.290.000 đồng với mã chứng khoán là HKT

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực buôn bán thương mại và cho thuê nhà xưởng.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Trồng cây hàng năm khác; Trồng cây chè; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống, ngựa, lừa; Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất cà phê; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng nhà để ở; Ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây điều; cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Trồng cây mía; Trồng cây có hạt chứa dầu; Rau, đậu các loại và trồng hoa; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Khai thác thủy sản nội địa; Xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Trồng lúa; Chăn nuôi khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Điều hành tour du lịch; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê cừu, hươu, nai; Xử lý hạt giống để nhân giống; Khai thác gỗ; Nuôi trồng thủy sản biển; Sản xuất chè; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Xây dựng nhà không để ở; Đại lý du lịch; Cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Chăn nuôi gia cầm; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Khai thác thủy sản biển; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất, chế biến, gia công chè; Đầu tư, trồng và phát triển cây chè.



**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 10 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty Nhà Nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - (i) 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - (ii) 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - (iii) 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - (iv) 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-20
Máy móc và thiết bị	07-12

#### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.10 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

#### **4.11 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê nhà xưởng. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng cho thuê tài sản.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

##### ***Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

#### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

#### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **4.16 Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	226.653.287	330.256.636
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.429.468	46.830.141
<b>Cộng</b>	<b>247.082.755</b>	<b>377.086.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn Dương Minh Tuệ	12.514.754.000	-	-	-
Công ty TNHH TM và Dịch vụ nội thất Gia Huy	8.819.635.353	-	18.670.413.575	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại EGO Xanh Việt Nam	8.803.014.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Song Khả	8.790.010.000	-	-	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ Vũ Minh	8.764.866.493	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Thành Việt Nam	-	-	8.922.510.000	-
Các khách hàng khác	12.431.653.841	(1.186.503.456)	8.905.861.212	(1.186.503.456)
<b>Cộng</b>	<b>60.123.933.887</b>	<b>(1.186.503.456)</b>	<b>36.498.784.787</b>	<b>(1.186.503.456)</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TM và ĐT XD Thiên Kim	3.763.094.417	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Healthyproducts	3.495.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư DYMAN	629.616.701	-	629.616.701	-
Nhà cung cấp khác	50.000.000	-	156.952.257	-
<b>Cộng</b>	<b>7.937.711.118</b>	<b>-</b>	<b>786.568.958</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Nhữ Thị Kim Chung (i)	13.300.000.000	-	8.490.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.490.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Cho vay thời hạn 12 tháng theo hợp đồng ngày 20/12/2022, lãi suất 8%/năm theo hợp đồng ký kết ngày 20/12/2022.

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.000.000.000	-	503.402.000	-
Phải thu khác	628.515.129	-	725.150.239	-
<b>Cộng</b>	<b>1.628.515.129</b>	<b>-</b>	<b>1.228.552.239</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Mr. Ahmad Shad - Asah Safi LTD	532.477.281	-	532.477.281	-
Mr. Raza Ahmed Kudia - Abdul sttar Shakoor Kudia Ltd.,	135.308.961	-	135.308.961	-
Mr. Sham - Mashashir Shargh International TPT Co. Ltd.,	390.670.400	-	390.670.400	-
Các đối tượng khác	128.046.814	-	128.046.814	-
<b>Cộng</b>	<b>1.186.503.456</b>	<b>-</b>	<b>1.186.503.456</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.242.976	-	642.231.581	-
Thành phẩm	96.316	-	231.196.786	-
Hàng hoá	13.623.635.947	-	19.349.637.612	-
<b>Cộng</b>	<b>13.624.975.239</b>	<b>-</b>	<b>20.736.437.579</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.908.660	48.306.061
<b>Cộng</b>	<b>22.908.660</b>	<b>48.306.061</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
Số dư tại 31/12/2022	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/01/2022	6.337.881.381	9.064.770.740	15.402.652.121
Khấu hao trong năm	573.185.156	657.014.299	1.230.199.455
Số dư tại 31/12/2022	6.911.066.537	9.721.785.039	16.632.851.576
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2022	5.231.053.343	2.540.590.687	7.771.644.030
Số dư tại 31/12/2022	4.657.868.187	1.883.576.388	6.541.444.575

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.658.535.332 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM  
Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

### 5.10 Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>29.000.000.000</b>	-	<b>29.000.000.000</b>	-
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Đại Thành Phát	29.000.000.000		29.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>29.000.000.000</b>	-	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>

### Chi tiết các khoản đầu tư:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Đại Thành Phát	2.900.000	13,14%	2.900.000	13,14%
				Tỷ lệ lợi ích
				13,14%

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, đối với công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2022	Chi phí phát sinh trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND
Sửa chữa nhà xưởng	-	634.877.439	634.877.439
	-	<b>634.877.439</b>	<b>634.877.439</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang	41.277.466.400	41.277.466.400	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng Thiên Kim	-	-	19.680.629.584	19.680.629.584
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh thương mại Vượng Phát	1.720.797.872	1.720.797.872	4.219.797.872	4.219.797.872
Công ty TNHH Green Buy Việt Nam	-	-	3.422.000.000	3.422.000.000
Đối tượng khác	1.718.663.777	1.718.663.777	4.733.736.678	4.733.736.678
<b>Cộng</b>	<b>44.716.928.049</b>	<b>44.716.928.049</b>	<b>32.056.164.134</b>	<b>32.056.164.134</b>

**5.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản bảo hiểm	22.178.896	22.178.896	-	-
Phải trả khác	3.812.499	3.812.499	655.355	655.355
<b>Cộng</b>	<b>25.991.395</b>	<b>25.991.395</b>	<b>655.355</b>	<b>655.355</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM  
 Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

### 5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	678.379.989	665.662.253	-	12.717.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	98.340.011	236.755.093	135.695.668	-	199.399.436
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.023.767	-	-	-	26.023.767
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	29.377.644	154.387.680	183.765.324	-	-
Các loại thuế khác	-	8.321.232	32.250.120	32.250.120	-	8.321.232
<b>Cộng</b>	-	<b>162.062.654</b>	<b>1.101.772.882</b>	<b>1.017.373.365</b>	-	<b>246.462.171</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty áp dụng áp dụng chính sách miễn, giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. ngày 11/1/2022 và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ban hành ngày 28/01/2022.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM  
Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

### 5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>1&gt; Vay cá nhân</b>						
Ông Đặng Quang Thái (i)	725.317.000	725.317.000	-	220.000.000	945.317.000	945.317.000
Ông Nguyễn Hoàng Nam (ii)	639.604.000	639.604.000	-	-	639.604.000	639.604.000
<b>2&gt; Vay ngân hàng</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Châu Thành (iii)	14.990.000.000	14.990.000.000	14.990.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.354.921.000</b>	<b>16.354.921.000</b>	<b>14.990.000.000</b>	<b>220.000.000</b>	<b>1.584.921.000</b>	<b>1.584.921.000</b>

- (i) Hợp đồng vay cá nhân số 01-2022/HDVT-HK ngày 25/12/2022 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 8%/năm. Hình thức đảm bảo: Tin chấp.  
(ii) Hợp đồng vay cá nhân số 02-2022/HDVT-HK ngày 26/12/2022 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 8%/năm. Hình thức đảm bảo: Tin chấp.  
(iii) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/18603409/HĐTD, hạn mức 15.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến 24/1/2023, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25 và 26 tờ bản đồ số 59, địa chỉ xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
  - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 761 và 762 tờ bản đồ số 15, địa chỉ xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)****5.16.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>7.284.554.751</b>	<b>68.922.768.384</b>
Lãi trong năm trước	-	-	500.384.913	500.384.913
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>7.784.939.664</b>	<b>69.423.153.297</b>
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>7.784.939.664</b>	<b>69.423.153.297</b>
Lãi trong năm nay	-	-	743.458.073	743.458.073
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>8.528.397.737</b>	<b>70.166.611.370</b>

**5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Thọ Nam	11.630.000.000	18,96%	11.630.000.000	18,96%
Nguyễn Đình Thảo	8.710.000.000	14,20%	8.710.000.000	14,20%
Đỗ Văn Mạnh	8.703.000.000	14,19%	8.703.000.000	14,19%
Đỗ Mạnh Cường	8.045.000.000	13,11%	8.045.000.000	13,11%
Đỗ Văn Hà	7.937.000.000	12,94%	7.937.000.000	12,94%
Các cổ đông khác	16.325.290.000	26,61%	16.325.290.000	26,61%
<b>Cộng</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>100%</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>100%</b>

**5.16.3 Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>6.135.029</b>	<b>6.135.029</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>6.135.029</b>	<b>6.135.029</b>
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>6.135.029</b>	<b>6.135.029</b>
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	233.420.382.793	30.019.683.229
Doanh thu cho thuê nhà xưởng và các dịch vụ khác	1.833.338.425	1.418.175.753
<b>Cộng</b>	<b>235.253.721.218</b>	<b>31.437.858.982</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa	231.914.975.440	29.963.538.802
Giá vốn cho thuê nhà xưởng và các dịch vụ khác	1.679.273.090	2.051.379.722
<b>Cộng</b>	<b>233.594.248.530</b>	<b>32.014.918.524</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	688.165.168	109.280
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	3.000.000.000
	<b>688.165.168</b>	<b>3.000.109.280</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	113.591.780	166.826.118
<b>Cộng</b>	<b>113.591.780</b>	<b>166.826.118</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	477.633.465	967.045.000
Chi phí vật liệu quản lý	262.090.920	49.394.239
Thuế, phí và lệ phí	169.853.788	12.816.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.923.289	356.612.720
Chi phí bằng tiền khác	40.547.436	44.606.539
<b>Cộng</b>	<b>1.237.048.898</b>	<b>1.430.475.205</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản bị phạt	16.784.012	76.683.996
<b>Cộng</b>	<b>16.784.012</b>	<b>76.683.996</b>

**6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	980.213.166	749.064.419
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	16.784.012	(46.635.772)
Các khoản điều chỉnh tăng	16.784.012	94.886.378
Chi phí không hợp lệ	16.784.012	94.886.378
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(141.522.150)
Chi phí chưa được tính thuế kì trước		(141.522.150)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>996.997.178</b>	<b>702.428.647</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN ước tính theo thuế suất thông thường</b>	<b>199.399.436</b>	<b>140.485.729</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>199.399.436</b>	<b>140.485.729</b>
Giảm thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP		(42.145.718)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	37.355.657	150.339.495
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>236.755.093</b>	<b>248.679.506</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	265.871.257.974	49.394.239
Chi phí nhân công	477.633.465	967.045.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.230.199.455	1.783.309.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.223.285	606.268.535
Chi phí khác bằng tiền	210.401.224	165.494.790
<b>Cộng</b>	<b>268.487.715.403</b>	<b>3.571.511.648</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	743.458.073	500.384.913
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	743.458.073	500.384.913
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.135.029	6.135.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>121</b>	<b>82</b>

**6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	743.458.073	500.384.913
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	743.458.073	500.384.913
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	6.135.029	6.135.029
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>121</b>	<b>82</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.990.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	220.000.000	1.011.000.000

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu số B 09 – DN**

của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	16.354.921.000	-	-	16.354.921.000
Phải trả người bán	44.716.928.049	-	-	44.716.928.049
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	25.991.395	-	-	25.991.395
<b>Cộng</b>	<b>61.097.840.444</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>61.097.840.444</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	1.584.921.000	-	-	1.584.921.000
Phải trả người bán	32.056.164.134	-	-	32.056.164.134
Chi phí phải trả	115.667.175	-	-	115.667.175
Phải trả khác	655.355	-	-	655.355
<b>Cộng</b>	<b>33.757.407.664</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.757.407.664</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

### (2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2022 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

## 9. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty không cần lập báo cáo bộ phận. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh thương mại là chủ yếu.

## 10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt không phát sinh thu nhập tại công ty trong năm tài chính 2022.

#### 10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm 2022, Công ty không có các bên liên quan khác.

## 10.2 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

### 10.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 10.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**Ngô Minh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2023



**Nguyễn Thị Hương**  
Phụ trách kế toán



**Nguyễn Thị Hương**  
Người lập biểu

